TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1166/2017/DS-PT
Ngày: 20/12/2017
V/v "Đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Sang

Ông Lưu Ngọc Thạch.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2017/DSPT ngày 18 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp về Đòi lại tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 777/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2568/2017/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chế Quang Hoàng V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: HVB, Phường 15, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trí T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: THĐ, phường CK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 8 năm 2016).

Bị đơn: Bà Võ Thị Nguyệt H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: HVB, Phường 13, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: NVT, phường ĐK, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 02 năm 2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 8 năm 2016 của ông Chế Quang Hoàng V và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Trí T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2013 đến năm 2015 ông V cho bà H vay tổng cộng số tiền 850.000.000 (Tám trăm năm mươi triệu) đồng, không tính lãi. Để đảm bảo khoản vay, bà H có giao cho ông V bản photo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại HVB, Phường 13, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh để làm tin. Hết hạn trả nợ, nhưng bà H không trả nợ cho ông V, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả số tiền 850.000.000 (Tám trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản khai ngày 13 tháng 9 năm 2016 của bà Võ Thị Nguyệt H và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Vũ Văn Đ là người đại diện của bị đơn đều thừa nhận bà H vay ông V số tiền 850.000.000 đồng theo 4 giấy vay tiền từ năm 2013 đến năm 2015. Tuy nhiên việc vay trên là có lãi, với mức lãi suất 5%/tháng và có cầm cho ông V các lô đá quý. Trong quá trình vay, bà H đều đóng tiền lãi đầy đủ cho ông V mỗi tháng, đồng thời đã trả cho ông V số tiền gốc 250.000.000 đồng đối với giấy mượn tiền ngày 19/12/2013 và thêm vài lần trả tiền gốc được 50.000.000 đồng. Việc trả lãi và trả tiền gốc trên không giao trực tiếp cho ông V mà đều thông qua ông Nguyễn Vũ Anh K. Bà chỉ còn nợ ông V 550.000.000 đồng.

Trong văn bản ngày 22 tháng 12 năm 2016, ông Nguyễn Vũ Anh K trình bày ông là người giới thiệu bà H đến ông V vay tiền, ông có chứng kiến việc ông V giao cho bà H 850.000.000 đồng và ông V có cầm một số đá quý của bà H. Hàng tháng bà H có đưa tiền cho ông để ông đi đóng tiền lãi cho ông V, nhưng vì tin tưởng nên việc đóng lãi cho ông V đều không có giấy tờ. Ngày 12/3/2014 bà H có mượn ông số tiền 250.000.000 đồng để trả cho ông V và ông đã giao số tiền cho ông V nhưng cũng không ký nhận giấy tờ, cũng không có chứng cứ là ông V đã nhận tiền.

Bản án sơ thẩm số 777/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ, lệ phí Tòa án năm 2009; khoản 5 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Võ Thị Nguyệt H phải trả cho ông Chế Quang Hoàng V 850.000.000 đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng). Trả một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Võ Thị Nguyệt H có trách nhiệm thi hành 37.500.000 đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Hoàn lại cho ông Chế Quang Hoàng V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.750.000 đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008543 ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Ngày 30/8/2017, bị đơn là bà Võ Thị Nguyệt H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn là đã trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng trong tổng số nợ 850.000.000 đồng. Lý do kháng cáo là do bản án sơ thẩm đã xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 777/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo.

[2] Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ, việc tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp tại vụ án là "Hợp đồng dân sự". Hội đồng xét thấy: Thời điểm nguyên đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý vụ án là ngày 18/8/2016. Hợp đồng vay do các đương sự xác lập vào năm 2013 và 2014. Thời điểm có vi phạm hợp đồng là thời điểm đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả, cụ thể theo 4 biên nhận nợ quy định về thời hạn trả nợ lần lượt là vào các ngày 19/01/2014, 26/01/2014, 24/3/2014 và 12/4/2014. Việc vi phạm này của bị đơn đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn biết (và phải biết). Theo quy định tại Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 thì thời hiệu khởi kiện đối với vụ án dân sự là 2 năm, kể từ ngày quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 517 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án về các hợp đồng vay này đã hết. Tuy nhiên, do nguyên đơn khởi kiện chỉ đòi lại tiền vốn vay và bản án sơ thẩm cũng chỉ giải quyết trong phạm vi phần vốn vay mà bị đơn phải trả, về thủ tục tố tụng giai đoạn sơ thẩm giải quyết vụ án cũng đã được đảm bảo nên không ảnh hưởng đến quyền, lợi hợp pháp của các đương sự theo quy định. Vì vậy cấp phúc thẩm chỉ điều chỉnh xác định lại tên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án cho chính xác là "Đòi lại tài sản".

[4] Bị đơn Võ Thị Nguyệt H thừa nhận có vay của nguyên đơn Chế Quang Hoàng V tổng số tiền 850.000.000 đồng, cụ thể gồm 4 lần vay theo các "Giấy mượn tiền" ngày 12/12/2013 số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 12/4/2014; "Giấy mượn tiền"ngày 19/12/2013 số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 19/01/2014; "Giấy mượn tiền" ngày 26/12/2013 số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 26/01/2014 và "Giấy mượn tiền" ngày 24/01/2014 số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 24/3/2014. Theo nguyên đơn thì những khoản tiền trên là "mượn", không có lãi và bị đơn chưa trả vốn cho nguyên đơn.

[5] Bị đơn cho rằng các khoản tiền vay nêu trên đều có lãi với mức lãi suất là 5%/tháng, hàng tháng bị đơn trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn thông qua ông Nguyễn Vũ Anh K. Xét lời khai của ông K thừa nhận có trả tiền lãi

của bà H cho ông V là không đủ cơ sở để chứng minh vì ông V không thừa nhận và bà H cũng như ông K không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc vay có lãi và việc trả lãi. Trong khi đó các biên nhận đều ghi là "mượn" tiền và đều không thể hiện có lãi.

[6] Bị đơn khai mỗi lần vay tiền, bà H đều có "cầm cố" cho ông V một lô đá quý. Lời trình bày này của bị đơn không được ông V thừa nhận đồng thời bà H không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh, vì vậy không có cơ sở chấp nhận.

[7] Bị đơn khai có mượn của ông K và nhờ ông K trả cho ông V 250.000.000 đồng tiền vốn cùng với nhiều lần nhờ ông K trả thêm tiền vốn cho ông V được 50.000.000 đồng. Ông K thừa nhận sự việc như lời khai này của bà H. Xét lời khai của bà H và ông K là không đủ cơ sở để chứng minh vì ông V không thừa nhận sự việc này và bà H cũng như ông K không có tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc giao trả tiền cho ông V.

[8] Bị đơn thừa nhận có vay và đã nhận của nguyên đơn số tiền 850.000.000 đồng, không có chứng cứ nào theo quy định của pháp luật để chứng minh cho việc bị đơn đã trả lại số tiền này, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại số tiền 850.000.000 đồng là có căn cứ. Bị đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không cơ cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[9] Việc ông Nguyễn Vũ Anh K thừa nhận có nhận tiền, có dùng số tiền bà H mượn để trả cho ông V nhưng ông K không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho ông V. Xét vấn đề này bà H, ông K tự thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định chung của pháp luật.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự cùng thừa nhận khi hai bên thực hiện hợp đồng vay, bị đơn có giao cho nguyên đơn một bản photo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, nay bị đơn không yêu cầu nguyên đơn trả lại, vì vậy Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ, lệ phí Tòa án năm 2009.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Thị Nguyệt H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 777/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Võ Thị Nguyệt H phải trả cho ông Chế Quang Hoàng V số tiền 850.000.000 (Tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Nguyệt H phải chịu 37.500.000 (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho ông Chế Quang Hoàng V số tiền tạm ứng đã nộp là 18.750.000 (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0008543 ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị Nguyệt H phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Biên lai thu số AC/2012/08732 ngày 06/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Thạch **Nguyễn Chí Sang** **Phạm Hồng Giảng**

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Giảng